

LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Tuần 20 (Từ ngày 13 tháng 07 đến 19 tháng 07 năm 2026)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																		Giáo viên	Đơn vị quản lý học phần			
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7					CN		
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi			Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi
1	DH	18	20254AT6028001	Thí nghiệm đồng cơ	CL	15	1,2,3,4,5,6	412-A10	3/10				7,8,9,10,11,12	412-A10	4/10	7,8,9,10,11,12	412-A10	5/10			7, 8, 9, 10, 11,	412-A10	6/10			Nguyễn Phú Trường	Khoa CKDL		
2	CD	27	20254ME5032002	Vẽ kỹ thuật	2	21	7,8,9,10,11	208-A10	1/6	7,8,9,10,11	712-A10	2/6				7,8,9,10,11	201-A8	3/6	7,8,9,10,11	208-A10	4/6	7,8,9,10,11	201-A8	5/6			Vũ Thị Huệ	KTCS	
3	CD	27	20254ME5032001	Vẽ kỹ thuật	2	24				1,2,3,4,5	208-A10	3/6				1,2,3,4,5	208-A10	4/6	1,2,3,4,5	208-A10	5/6	1,2,3,4,5	208-A10	6/6			Vũ Thị Huệ	KTCS	
4	CD	26	20254ME5032002	Vẽ kỹ thuật	3	21										7,8,9,10,11	202-A8	3/6									Nguyễn Văn Tài	KTCS	
5	CD	27	20254ME5032001	Vẽ kỹ thuật	1	24							7,8,9,10,11	202-A8	2/6				7,8,9,10,11	201-A8	3/6						Nguyễn Văn Tài	KTCS	
6	CD	27	20254ME5046001	Cơ kỹ thuật	2	21										1,2,3,4,5	108-A9	1/3									Phạm Ngọc Thành	KTCS	
7	DH	18	20254AT6029002	Thí nghiệm ô tô	CL	25				13,14,15,16,17	404 A10	2/10				7,8,9,10,11,12	404 A10	3/10	13,14,15,16	404 A10	4/10						Phạm Việt Thành	Khoa CNOTO	
8	DH	18	20254AT6025002	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25				7,8,9,10,11,12	516A10	3/10				7,8,9,10,11,12	516A10	4/10									Nguyễn Xuân Hiền	Khoa CNOTO	
9	DH	18	20254AT6043001	Kết cấu ô tô	CL	25	7,8,9,10,11,12	408-A10	3/15				1,2,3,4,5,6	408-A10	4/15												Nguyễn Tuấn Nghĩa	Khoa CNOTO	
10	DH	18	20254AT6043001	Kết cấu ô tô	CL	25							7,8,9,10,11,12	408-A10	5/15												Nguyễn Tuấn Nghĩa	Khoa CNOTO	
11	DH	18	20254AT6025001	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	22	1,2,3,4,5,6	516A10	3/10				1,2,3,4,5,6	516A10	4/10												Thần Quốc Việt	Khoa CNOTO	
12	DH	18	20254AT6025003	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25							7,8,9,10,11,12	516A10	2/10	7,8,9,10,11,12	516A10	3/10	7,8,9,10,11,	516A10	4/10						Trịnh Đức Phong	Khoa CNOTO	
13	DH	18	20254ME6113002	Thực hành CNC	1	29	1,2,3,4,5,6	102-A10	3/10							1,2,3,4,5,6	102-A10	4/10									Vũ Đình Toàn	TT. TH&DLCX	
14	DH	18	20254ME6037001	Thực hành CNC	1	30	7, 8, 9, 10, 11, 12	110-A9	3/10							7, 8, 9, 10, 11,	110-A9	4/10									Trần Ngọc Tấn	TT. TH&DLCX	
15	DH	18	20254AT6057001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	26				1, 2, 3, 4, 5, 6	403-A10	4/15				1, 2, 3, 4, 5, 6	403-A10	5/15				1, 2, 3, 4, 5, 6	403-A10	6/15			Chu Đức Hùng	TT. TH&DLCX	
16	DH	19	20254AT6045002	Hệ thống điện-điện tử ô tô	1	25				1, 2, 3, 4, 5, 6	419-A10	3/15							1, 2, 3, 4, 5,	403-A10	4/15						Lê Đình Mạnh	TT. TH&DLCX	
17	DH	18	20254AT6052001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	20				1, 2, 3, 4, 5, 6	404-A10	3/15										1, 2, 3, 4, 5, 6	404-A10	4/15			Ngô Quang Tào	TT. TH&DLCX	
18	DH	13	20254AT6032001	Thực hành chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	1				7, 8, 9, 10, 11,12	404-A11	3/10										7, 8, 9, 10, 11,	404-A11	04/10			Chu Đức Hùng	TT. TH&DLCX	
19	DH	18	20254AT6096002	Thực hành đồng cơ chuyên sâu	1	15										13, 14, 15, 16, 17	412-A10	3/15				1, 2, 3, 4, 5, 6	412-A10	4/15			Nguyễn Thành Vinh	TT. TH&DLCX	